TẬP ĐOÀN DỆT - MAY VIỆT NAM
CTCP TỔNG CTY MAY ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /MĐN-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2018

Dự thảo 2
Ngày 10/4/2018

M.10

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai theo Điều lệ mẫu của Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 - áp dụng đối với Công ty cổ phần đại chúng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Tổng Công ty May Đồng Nai, đã được ĐHĐCĐ Tổng Công ty thông qua ngày 29/4/2017;

Đoàn Chủ tọa kính trình Đại hội:

1. Xem xét, thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai được soạn thảo theo bản Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty cổ phần đại chúng - tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán ngày 24/11/2010, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Toàn văn bản dự thảo Điều lệ đã được đăng tải trên Website của Tổng Công ty để cổ đông tham khảo. Trong đó có những điểm mới chính yếu của Điều lệ mới như trong Bảng tổng hợp đính kèm.

* Chi tiết, đề nghị quý cổ đông tham khảo Dự thảo điều lệ đã đăng trên Website.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty thực hiện việc cập nhật điều lệ và chỉnh lý, bổ sung nội dung Điều lệ theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh (nếu có) và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký Bản điều lệ mới tại cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét, quyết định thông qua.

***

Nếu đại biểu cổ đông tán thành, xin biểu quyết bằng cách giơ cao Phiếu biểu quyết.

Nếu đại biểu cổ đông không tán thành hoặc không có ý kiến, xin giơ cao Phiếu biểu quyết.

Nơi nhận:
- Trình ĐHĐCĐ;
- Niêm yết Website và IDS Plus;
- Lưu HS. ĐHĐCĐ 2017 và TK.HĐQT.

T/M. ĐOÀN CHỦ TỌA
CT. HĐQT

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI
Ký ngày: 10/4/2018 15:57:26

Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai
(bản này đính kèm Tờ trình số: /MĐN-ĐHĐCĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2018)

ĐIỀU LỆ CŨ 2017	ĐIỀU LỆ MỚI 2018	Ý KIẾN CỦA HĐQT TẬP TOÀN VINATEX CHỈ ĐẠO NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NN *(Theo Văn bản số: ...../……, ngày ..../4/2018)*
Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** **Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ**	**Chương I** **ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ** **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**	**Chấp thuận sửa đổi theo** Điều lệ mẫu của Thông tư 95/2017/TT-BTC (*Sau đây gọi tắt là "TT95"*).
Chương II **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là không xác định thời hạn.	**Chương II** **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	**Chấp thuận sửa đổi theo** Điều lệ mẫu của TT 95.
Chương III **NGÀNH NGHỀ, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	**Chương III** **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	

Điều 4. Ngành nghề, mục tiêu hoạt động của Công ty	**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**	**Chấp thuận sửa đổi theo** Điều lệ mẫu của TT 95.
Điều 5. Phạm vi hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty** 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	**Chấp thuận sửa đổi theo** Điều lệ mẫu của TT 95.
Chương IV **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP** **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 1. Vốn điều lệ của Công ty a) Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: 59.766.760.000 đồng. (Bằng chữ: *Năm mươi chín tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.976.676 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	**Chương IV** **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP** **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 109.355.840.000 đồng (bằng chữ: *Một trăm linh chín tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.935.584 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	**Chấp thuận sửa đổi theo** Giấy chứng nhận số: 70/GCN-UBCK ngày 24/10/2017 của UBCKNN đã cấp. **Chấp thuận sửa** tổng số cổ phần cùng mệnh giá – do tăng vốn.

Điều 10. Thu hồi cổ phần 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	**Điều 10. Thu hồi cổ phần** 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ không quá tỷ lệ lãi suất gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Vietcombank công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện	**Chấp thuận sửa đổi** việc quy định cụ thể hơn về cơ sở tính lãi suất phát sinh của cổ đông.
Chương VI **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **Điều 12. Quyền của cổ đông** 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	**Chương VI** **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **Điều 12. Quyền của cổ đông** 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	**Chấp thuận sửa đổi** do phù hợp với thực tế và vẫn đúng Khoản 2, Điều 114 – Luật DN.
	Điều 17. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị	**Chấp thuận bổ sung theo** Điều lệ mẫu của TT 95.

	mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này. 3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết	**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại	**Chấp thuận giữ nguyên theo Điều lệ cũ** vì phù hợp với thực tế Công ty và đúng với Khoản 1, Điều 139 – Luật DN.

hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	**Chấp thuận sửa đổi** vì phù hợp với thực tế Công ty và đúng với Khoản 2, Điều 114 – Luật DN.
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	**Chấp thuận giữ nguyên theo điều lệ cũ** vì phù hợp với thực tế Công ty và đúng với Khoản 2, Điều 145 – Luật DN.

	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:	**Chấp thuận bổ sung theo** ĐL mẫu của TT95
Chương VII **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **Điều 24. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**	**Chương VII** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị** 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	**Chấp thuận bổ sung theo** Điều lệ mẫu của TT 95.
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm;	**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị** 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người, nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	**Chấp thuận sửa đổi** vì phù hợp với thực tế và theo ĐL mẫu của TT95

	không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Khi Công ty niêm yết chứng khoán thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.	**Chấp nhận sửa đổi, bổ sung theo** ĐL mẫu của TT95 và Khoản 2, Điều 13 – Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 (Sau đây gọi tắt là "NĐ71"). **Chấp thuận sửa đổi theo** theo Điều 13 – NĐ71.
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** 3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 20 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	**Chấp thuận sửa đổi** cho phù hợp với thực tế của đơn vị.
	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một	**Chấp thuận sửa đổi, bổ sung theo** Điều lệ mẫu của TT 95. .

	cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	
	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty *(Tương tự như Thư ký Công ty)*	**Chấp thuận sửa đổi** chức danh Thư ký công ty thành Người phụ trách quản trị công ty theo Điều 18 – NĐ71.
Chương VIII **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY** **Điều 32. Thư ký công ty**	**Chương VIII** **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**	
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	**Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**	

đ. Vào ngày 31/3 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm hoặc chậm nhất không quá ngày 31 tháng 3, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.	**Chấp thuận sửa đổi** để phù hợp với thực tế công ty.
Chương IX **BAN KIỂM SOÁT** **Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát** 3. Ban kiểm soát phải chỉ định hay bầu một (01) Thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người trình độ về pháp luật và nghiệp vụ kế toán hoặc là kế toán viên và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	**Chương IX** **BAN KIỂM SOÁT** **Điều 37. Kiểm soát viên** 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	**Chấp thuận sửa đổi** theo Khoản 2, Điều 163 của Luật DN và Khoản 4, Điều 20 – NĐ 71.
Chương XV **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG** **Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý** 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.	**Chương XV** **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN** **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý** 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.	**Chấp thuận** vì phù hợp với quy định về thời gian Tổ chức ĐHĐCĐ theo Luật DN, thời hạn gửi và công bố thông tin theo quy định của các luật chuyên ngành, …; hạn chế phải sửa đổi Điều lệ khi Nhà nước có thay đổi thời hạn nộp báo cáo.